| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 48/2023/DS-ST.
Ngày: 25 - 5 - 2023.
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hồ Thanh Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Quang Đông.

Bà Đặng Ngọc Thu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 185/2023/QĐST-DS ngày 08/5/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: Số 198, đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Kim K; chức vụ: Phó Trưởng phòng khách hàng - Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 16/11/2022).

Địa chỉ chi nhánh: Số 05, đường H, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, chị K có mặt.

- ***Bị đơn***: Ông Dương Hồ Huy V, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện nay: Số nhà 09B, đường P, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2022 cùng các lần hòa giải tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 26/8/2014 ông Dương Hồ Huy V có ký hợp đồng mở Thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP N, với số tiền yêu cầu 45.000.000 đồng.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng ông V vi phạm là thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đúng theo hợp đồng đã ký kết, tính đến ngày 25/5/2023 ông V còn nợ ngân hàng tổng số tiền 939.715.814 đồng. Trong đó, nợ gốc 42.694.817 đồng; nợ lãi và các khoản phí (phí rút tiền mặt; phí vượt hạn mức; phí chậm thanh toán) 897.020.997 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông V trả tổng các khoản nợ bằng 939.715.814 đồng như đã nêu trên và tiếp tục tính lãi suất quá hạn theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong phần nợ gốc.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị buộc bị đơn trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Dương Hồ Huy V trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng mở Thẻ tín dụng đã ký, ông V có nơi cư trú tại thành phố V và Hợp đồng được ký kết và thực hiện tại thành phố V. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Đồng thời, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Đối với ngân hàng, việc ký kết hợp đồng thì ngân hàng thực hiện cho vay đúng theo quy định tại các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thể hiện ông Dương Hồ Huy V có ký kết mở Thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP N số tiền 45.000.000 đồng là sự thật (Phiếu yêu cầu ký ngày 27/8/2014), khi

thực hiện trả nợ theo định kỳ ông V thực hiện không đúng, tính đến ngày 25/5/2023 ông V còn nợ ngân hàng tổng số tiền 939.715.814 đồng. Trong đó, nợ gốc 42.694.817 đồng; nợ lãi và các khoản phí (phí rút tiền mặt; phí vượt hạn mức; phí chậm thanh toán) 897.020.997 đồng, nên ngân hàng kiện yêu cầu ông V trả số nợ như đã nêu trên là đúng theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự. Ngân hàng còn yêu cầu ông V phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký từ ngày 26/5/2023 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là đúng quy định, nên được chấp nhận.

[3] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 939.715.814 đồng. Trong đó, nợ gốc 42.694.817 đồng; nợ lãi và các khoản phí (phí rút tiền mặt; phí vượt hạn mức; phí chậm thanh toán) 897.020.997 đồng, nên bị đơn phải nộp số tiền án phí là 40.191.474 đồng.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật Tổ chức tín dụng và Điều 26 Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, khi phát biểu quan điểm về tố tụng, Kiểm sát viên có ý kiến rằng, từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định tại phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành tốt các quy định của pháp luật, vụ án được đưa ra xét xử đúng hạn luật định.

Vì các lẻ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử:***

1. Về nội dung:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N. Buộc ông Dương Hồ Huy V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N các khoản tiền như sau:

- Tiền nợ gốc 42.694.817 đồng *(bốn mươi hai triệu sáu trăm chín mươi bốn ngàn tám trăm mười bảy đồng)*.

- Tiền nợ lãi và các khoản phí (phí rút tiền mặt; phí vượt hạn mức; phí chậm thanh toán) 897.020.997 đồng *(tám trăm chín mươi bảy triệu không trăm lẻ hai ngàn chín trăm chín mươi bảy đồng).*

Tổng cộng bằng 939.715.814 đồng *(chín trăm ba mươi chín triệu bảy trăm mười lăm ngàn tám trăm mười bốn đồng)*

Kể từ ngày 26/5/2023 ông V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc (theo Phiếu yêu cầu ký ngày 27/8/2014).

Trường hợp Hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP N, thì lãi suất mà ông V phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP N.

2. Về án phí:

- Buộc ông Dương Hồ Huy V phải nộp 40.191.474 đồng (*bốn mươi triệu một trăm chín mươi mốt ngàn bốn trăm bảy mươi bốn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí 12.973.000 đồng (*mười hai triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn đồng*) Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0001606 ngày 26/10/2022 được hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP V;
- CC THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Hồ Thanh Hồng**